

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

Số: 2155/UBND-TCKH

V/v báo cáo, nội dung phục vụ  
phiên họp thường kỳ UBND tỉnh  
tháng 6/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hương Trà, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thực hiện Công văn số 6343/UBND-DN ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh về việc báo cáo, chuẩn bị nội dung phục vụ phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 6/2024; UBND thị xã Hương Trà báo cáo một số nội dung như sau:

**1. Lĩnh vực công nghiệp - TTCN và xây dựng:**

Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN và xây dựng (*giá so sánh*) ước thực hiện 06 tháng đầu năm tăng khoảng **9,83%** so với cùng kỳ năm trước. đá xây dựng (10,95%), hàng may mặc (10,3%), ghê đan (8,3%), điện sản xuất (12,8%), gạch các loại (10%)...sản phẩm giảm so cùng kỳ như: xi măng (-4,9%), nhang (-5,1%)...

Lập hồ sơ mở rộng cụm công nghiệp Tứ Hạ (giai đoạn 3), hình thành cụm công nghiệp Hương Xuân, Hương Văn 2, Hương Văn...Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng làng nghề và các nghề truyền thống: bánh gói Hương Càn, nón lá,...; đăng ký kế hoạch công nhận Nghề truyền thống Ép dầu lạc Văn Xá để đề xuất công nhận trong năm 2024.

**2. Lĩnh vực dịch vụ:** Giá trị sản xuất ngành dịch vụ (*giá so sánh*), tăng khoảng 11,71% so với cùng kỳ năm trước. Thị xã tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án dịch vụ thương mại trọng điểm trên địa bàn như: Siêu thị Go, dự án khu dân cư Tứ Hạ - Hương Văn,...riêng đối với dự án Siêu thị Go nhà đầu tư đang tích cực triển khai, dự kiến đi vào hoạt động vào cuối năm 2024.

**3. Sản xuất nông nghiệp:** Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (*giá so sánh*) tăng khoảng **5,08 %** so với cùng kỳ năm trước

\* **Trồng trọt:** Cây lúa: Kế hoạch vụ Hè Thu 2024 gieo sạ 1.620ha, đến nay đã gieo sạ xong 1620ha; Cây lúa vụ Đông Xuân 2023-2024 diện tích gieo cấy 1.659,89 ha, đến nay đã thu hoạch xong, năng suất bình quân ước đạt 65,8 tạ/ha, đạt 109,6% kế hoạch và tăng 1,02 tạ/ha so với vụ Đông Xuân năm trước; Cây lạc 620ha/KH 680ha; cây sắn trồng 520ha/KH 600ha, đang giai đoạn phát triển thân lá; cây ngô đã trồng khoảng 73ha/KH 75ha, cây sen đã trồng 60 ha. Đang triển khai vụ Hè - Thu đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

\* **Lâm nghiệp:** Đến nay trên địa bàn đã trồng được 630 ha rừng tập trung và tiếp tục chăm sóc 2.080 ha rừng trồng từ các năm trước.

\* **Thuỷ sản:** Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đạt 230 tấn.

**4. Công tác thu ngân sách:** Đến ngày 24/6/2024, thu ngân ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã là 288,9 tỷ đồng; trong đó các khoản thị xã thu là 73,6 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 25,6%, thu bổ sung từ ngân sách tỉnh 161,3 tỷ đồng, các khoản cục thuế quản lý thu trên địa bàn thị xã là 54 tỷ.

**5. Đầu tư xây dựng cơ bản:**

Tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ và giải ngân các dự án trọng điểm trên địa bàn như: Quảng trường, nhà văn hoá trung tâm thị xã, Chính trang tuyến quốc lộ 1A từ (Hương Văn – Hương Chữ), Đường ven sông Bồ (Tứ Hạ - Hương Toàn), điện chiếu sáng đường tránh phía Tây.

- Số giải ngân vốn đầu tư công đến ngày báo cáo là:

					Tỷ đồng
TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn 2024	Giải ngân đến ngày báo cáo	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Ngân sách tỉnh quản lý	24,7	8,8	36	
2	Ngân sách thị xã quản lý	148,984	29,541	19,83	
3	Chương trình MTQG	13,355	3,264	24,44%	
	<b>Cộng</b>	<b>187,039</b>	<b>41,605</b>	<b>22,24</b>	

**6. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tháng 6/2024**

Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH 2024	Ước thực hiện 06/2024	Ghi chú
<b>A. Về kinh tế</b>				
1. Tốc độ tăng trưởng (GTSX)	%	14,5-15,5	<b>10,04</b>	
- Công nghiệp - xây dựng	%	16-17	9,83	
- Dịch vụ	%	13,5-14,5	11,71	
- Nông nghiệp	%	3-3,5	5,08	
2. Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đồng/người	53-55	56	<b>Vượt chỉ tiêu kế hoạch</b>
3. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	>1.800	810	
4. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	>620	300	
- Trong đó thu tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	185	45	
<b>B. Về VH-XH và môi trường</b>				
5. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	34/38 trường 89,5%	29/38 trường (76,3%)	

Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH 2024	Ước thực hiện 06/2024	Ghi chú
6. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	>70%	70	
- Giải quyết việc làm hằng năm	Người	800-1.000	680	
+ Trong đó làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	100-150	71	
7. Tỷ lệ hộ nghèo giảm trong năm	%	0,1-0,2	-	
8. Xã đạt chuẩn xã nông thôn mới và phường đạt chuẩn văn minh đô thị	Xã, phường			
- Xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100%	50%	
- 01 phường đạt chuẩn phường văn minh đô thị	Phường	1	-	
9. Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt	%	>93	>93	
10. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch	%	99,9	99,8	
11. Tỷ lệ che phủ rừng	%	56-58	56,2	

**7. Về báo cáo, giải trình nguyên nhân việc thực hiện các nội dung chậm trễ tại Chương trình công tác năm 2024 của UBND tỉnh được ban hành tại Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 19/12/2023:** Đối với nội dung này, UBND thị xã Hương Trà có Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Hương Trà, hạn trình tháng 5/2024.

- Về tiến độ: Hiện nay đồ án quy hoạch phân khu phường Hương Chũ và Hương Văn, thị xã Hương Trà chưa được phê duyệt nên ảnh đến tiến độ chung của Quy chế; Mặt khác, UBND thị xã Hương Trà đang tổ chức thực hiện và dự kiến trình thẩm định trong quý 3/2024.

**8. Kiến nghị, đề xuất:** Không.

Trên đây là một số nội dung báo cáo của UBND thị xã Hương Trà.

**Nơi nhận :**

- Như trên ;
- Chủ tịch và các PCT UBND thị xã;
- Các phòng : TCKH, KT, QLĐT;
- LĐVP+CVKT;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**TỔNG HỢP GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2024**  
(Ngân sách thị xã)

Đơn vị: Triệu  
đồng.

Stt	Nguồn vốn	Lũy kế vốn bố trí đến nay	Trong đó:	Lũy kế vốn giải ngân đến nay	Trong đó:	Tỷ lệ giải ngân KH 2024 (%)	Ghi chú
			<i>KH vốn giao trong năm 2024</i>		<i>Số vốn giải ngân KH 2024</i>		
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>5=4/2</b>	
1	Thu tiền sử dụng đất						
<i>1a</i>	<i>Trong đó, số vốn thông báo</i>	<i>13.035</i>	<i>3.885</i>	<i>10.837</i>	<i>1.115</i>	<i>28,70%</i>	
	<i>- TB 1891 ngày 05/6/2024</i>		<i>3.485</i>				
	<i>- QĐ 803 ngày 05/6/2024</i>		<i>400</i>				
2	Nguồn vốn tỉnh phân cấp cho thị xã quản lý	32.700	14.000	21.643	4.129	29,49%	
3	Nguồn theo tiêu chí 05	67.608	16.839	55.363	4.601	27,32%	
4	Nguồn Kiến thiết thị chính năm 2024 (BSMT tỉnh)	8.500	5.200	4.912	2.200	42,31%	
5	Tăng thu tiền sử dụng đất bố trí năm 2024	100.560	49.360	76.537	10.331	20,93%	
6	Nguồn vốn BSMT tỉnh (BS KHĐTC NQ 152)	50.700	59.700	7.166	7.166	12,00%	
	<b>Tổng cộng (1a+...+7)</b>	<b>273.103</b>	<b>148.984</b>	<b>176.458</b>	<b>29.541</b>	<b>19,83%</b>	
7	Mục tiêu quốc gia 2023	14.101	13.355	9.687	3.264	24,44%	

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 - NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TỈNH**

*Đơn vị tính: 1000 đồng*

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí			Giải ngân vốn năm 2024	Lũy kế vốn giải ngân (đến thời điểm BC)			Tỉ lệ giải ngân vốn 2024
			Lũy kế vốn đã bố trí đến 2024	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó		
				KH vốn chuyển nguồn sang năm 2024	KH vốn năm 2024			Thanh toán khối lượng thực hiện	Chưa thu hồi tạm ứng	
A	B	1	2	3	4	6	7	8	9	13
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>207.067.612</b>	<b>124.400.532</b>	<b>2.185.915</b>	<b>22.000.000</b>	<b>4.668.135</b>	<b>105.662.244</b>	<b>81.326.747</b>	<b>24.335.497</b>	<b>21%</b>
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hà Công	38.727.000	31.711.382		2.000.000	401.900	30.113.282	27.965.521	2.147.761	20%
2	Nâng cấp, mở rộng đường ven sông Bồ (đoạn Tứ Hạ - Hương Văn - Hương Xuân - Hương Toàn)	116.962.000	59.421.663	2.185.915	20.000.000	4.266.235	42.281.475	20.163.385	22.118.090	21%

**THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

		<i>DVT: Triệu đồng</i>		
STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2024	Thực hiện đến 24/6/24	Tỷ lệ Thực hiện so với DT giao (%)
<b>A</b>	<b>Tổng thu (I+II+III)</b>	<b>634.314</b>	<b>235.018</b>	<b>37,05</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu trên địa bàn giao thị xã thu</b>	<b>287.000</b>	<b>73.650</b>	<b>25,66</b>
1	Thu ngoài quốc doanh	52.000	25.504	49,05
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên</i>	<i>14.000</i>	<i>3.715</i>	<i>26,54</i>
2	Thuê thu nhập cá nhân	8.000	3.674	45,93
3	Thu tiền sử dụng đất	185.000	29.427	15,91
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>55.500</i>	<i>8.828</i>	<i>15,91</i>
	<i>Ngân sách thị xã hưởng</i>	<i>129.500</i>	<i>20.599</i>	<i>15,91</i>
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	133	66,50
5	Tiền thuê đất	1.500	1.376	91,73
6	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	5.000	2.858	57,16
7	Lệ phí trước bạ	15.000	4.449	29,66
8	Phí, lệ phí	9.000	3.680	40,89
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>7.700</i>	<i>2.758</i>	<i>35,82</i>
	<i>Ngân sách thị xã hưởng</i>	<i>1.300</i>	<i>922</i>	<i>70,92</i>
9	Thu khác ngân sách	8.500	1.487	17,49
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>4.400</i>	<i>13</i>	<i>0,30</i>
	<i>Ngân sách thị xã hưởng</i>	<i>4.100</i>	<i>1.474</i>	<i>35,95</i>
10	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	2.800	844	30,14
11	Thu huy động, đóng góp		218	
<b>II</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi NN do Cục thuế quản lý thu</b>	<b>10</b>		<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh</b>	<b>347.304</b>	<b>161.368</b>	<b>46,46</b>
1	Bổ sung cân đối ngân sách	245.935	123.535	50,23
2	Bổ sung có mục tiêu	101.369	37.833	37,32
<b>B</b>	<b>Phân chia ngân sách theo dự toán giao thị xã thu</b>	<b>287.010</b>	<b>73.650</b>	<b>25,66</b>
1	Ngân sách tỉnh hưởng	86.600	18.172	20,98
2	Ngân sách thị xã hưởng	200.410	55.478	27,68
	<i>Phân chia ko tính tiền sử dụng đất, huy động</i>	<i>70.910</i>	<i>34.661</i>	<i>48,88</i>